

VILAS 746

Số: 462 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 22/12/2025

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Sơn Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 44B07/25
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/12/2025
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 11/12/2025 đến ngày 19/12/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị    | Phương pháp thử  | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả         |
|-----|------------------------|-----------|------------------|--------------------|-----------------|
| 1   | Mùi                    | -         | SMEWW 2150:2023  | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ |
| 2   | pH (*)                 | -         | TCVN 6492:2011   | 6,0 - 8,5          | 7,00            |
| 3   | Độ đục (*)             | NTU       | SMEWW 2130B:2023 | 2                  | 0,50            |
| 4   | Màu sắc (*)            | mg/l Pt   | TCVN 6185C:2015  | 15                 | 4,50            |
| 5   | Chỉ số Permanganat (*) | mg/l      | TCVN 6186:1996   | 2                  | 0,81            |
| 6   | Hàm lượng Amoni (*)    | mg/l      | TCVN6179-1:1996  | 1                  | 0,03            |
| 7   | Clo tự do (*)          | mg/l      | TCVN 6225-2:2021 | 0,2 - 1,0          | 0,91            |
| 8   | Coliform (*)           | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |
| 9   | E.Coli (*)             | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH             |

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



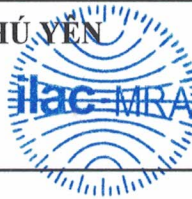
Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

*Nguyễn Văn Tuấn*

Ghi chú:

- (\*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 746

Số: 463 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 22/12/2025

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyến Trần Hưng Đạo - NMN Sơn Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 45M<sub>1</sub>07/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/12/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 11/12/2025 đến ngày 19/12/2025
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị    | Phương pháp thử  | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả             |
|-----|------------------------|-----------|------------------|--------------------|---------------------|
| 1   | Mùi                    | -         | SMEWW 2150:2023  | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ     |
| 2   | pH (*)                 | -         | TCVN 6492:2011   | 6,0 - 8,5          | 6,98                |
| 3   | Độ đục (*)             | NTU       | SMEWW 2130B:2023 | 2                  | 0,46                |
| 4   | Màu sắc (*)            | mg/l Pt   | TCVN 6185C:2015  | 15                 | 4,20                |
| 5   | Chỉ số Permanganat (*) | mg/l      | TCVN 6186:1996   | 2                  | 0,74                |
| 6   | Hàm lượng Amoni (*)    | mg/l      | TCVN6179-1:1996  | 1                  | KPH<br>(LOQ = 0,01) |
| 7   | Clo tự do (*)          | mg/l      | TCVN 6225-2:2021 | 0,2 - 1,0          | 0,47                |
| 8   | Coliform (*)           | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH                 |
| 9   | E.Coli (*)             | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH                 |

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



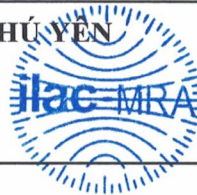
Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (\*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 746

Số: 464 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 22/12/2025

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyến Tĩnh Sơn - NMN Sơn Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 46M<sub>2</sub>07/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 11/12/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 11/12/2025 đến ngày 19/12/2025
- Kết quả thử nghiệm :

| Stt | Tên chỉ tiêu           | Đơn vị    | Phương pháp thử  | QCVN 01-1:2024/BYT | Kết quả             |
|-----|------------------------|-----------|------------------|--------------------|---------------------|
| 1   | Mùi                    | -         | SMEWW 2150:2023  | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ     |
| 2   | pH (*)                 | -         | TCVN 6492:2011   | 6,0 - 8,5          | 7,02                |
| 3   | Độ đục (*)             | NTU       | SMEWW 2130B:2023 | 2                  | 0,48                |
| 4   | Màu sắc (*)            | mg/l Pt   | TCVN 6185C:2015  | 15                 | 4,30                |
| 5   | Chỉ số Permanganat (*) | mg/l      | TCVN 6186:1996   | 2                  | 0,84                |
| 6   | Hàm lượng Amoni (*)    | mg/l      | TCVN6179-1:1996  | 1                  | KPH<br>(LOQ = 0,01) |
| 7   | Clo tự do (*)          | mg/l      | TCVN 6225-2:2021 | 0,2 - 1,0          | 0,36                |
| 8   | Coliform (*)           | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH                 |
| 9   | E.Coli (*)             | CFU/100ml | TCVN 6187-1:2019 | < 1                | KPH                 |

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Nguyễn Văn Tuấn

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú:

- (\*)Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử